UBND Xã: Yên Lãng **Biểu số 115/CK TC - NSNN**

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

(Kèn theo Quyết định số 226 /QĐ-UBND ngày 10/7/2023 của UBND xã Yên Lãng)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	**8.487.317.000**		**8.487.317.000**	**6.675.124.035**	**2.424.385.000**	**4.250.739.035**	**78,65**		**50,08**
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	139.464.000		139.464.000	68.838.000		68.838.000	49,36		49,36
4	Chi văn hóa, thông tin	35.000.000		35.000.000	28.350.000		28.350.000	81		81
5	Chi phát thanh, truyền thanh	100.000.000		100.000.000						
6	Chi thể dục, thể thao	25.000.000		25.000.000	2.254.685.000	2.232.000.000	22.685.000	9018,74		90,74
7	Chi bảo vệ môi trường				14.784.000		14.784.000			
8	Chi các hoạt động kinh tế	65.000.000		65.000.000	213.985.000	192.385.000	21.600.000	329,21		33,23
	Ủy ban nhân dân	3.209.301.000		3.209.301.000	2.013.414.735		2.013.414.735	62,74		62,74
	Hội đồng nhân dân	398.300.000		398.300.000	238.385.508		238.385.508	59,85		59,85
	Hội đông y	16.092.000		16.092.000	8.046.000		8.046.000	50		50
	Hội khuyến học	16.092.000		16.092.000	8.046.000		8.046.000	50		50
	Hội người cao tuổi	88.200.000		88.200.000	68.884.600		68.884.600	78,1		78,1
	Hội chữ thập đỏ	25.600.000		25.600.000	11.979.600		11.979.600	46,8		46,8
	Hội nạn nhân da cam	16.092.000		16.092.000	8.521.250		8.521.250	52,95		52,95
	Hội TNXP	16.092.000		16.092.000	8.521.250		8.521.250	52,95		52,95
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	7.221.290.000		7.221.290.000	3.231.532.471		3.231.532.471	44,75		44,75
10	Chi cho công tác xã hội	213.116.000		213.116.000	102.342.000		102.342.000	48,02		48,02
11	Chi khác	483.753.000		483.753.000	760.607.564		760.607.564	157,23		157,23
12	Dự phòng, tiết kiệm chi	204.694.000		204.694.000						
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									